

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HƯỚNG TƯƠNG LAI

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HƯỚNG TƯƠNG LAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUONG TUONG LAI CONSTRUCTION DESIGN CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUONG TUONG LAI CONSTRUCTION DESIGN CONSULTING.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107919910

3. Ngày thành lập: 12/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu 6, thôn Thụy Lôì, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01683890201

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
3.	Quảng cáo	7310
4.	Chăn nuôi gia cầm	0146
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
7.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
8.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9.	Bán buôn tổng hợp	4690
10.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
13.	Dịch vụ đóng gói	8292
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
15.	Trồng lúa	0111
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây cà phê	0126
19.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
20.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
26.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
27.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
28.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
29.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
30.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
32.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
34.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

35.	Bốc xếp hàng hóa	5224
36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
37.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
38.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
39.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
40.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
41.	Sản xuất đường	1072
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại	4719
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
45.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
46.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
47.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Gửi hàng; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
49.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
50.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
51.	Trồng cây chè	0127
52.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
53.	Chăn nuôi lợn	0145
54.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290

59.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
60.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
61.	Xây dựng công trình công ích	4220
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: cà phê bột, cà phê hoà tan, chè... Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
68.	Phá dỡ	4311
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
71.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
73.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

74.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
75.	Bán buôn gạo	4631
76.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; - Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh. - bán buôn thực phẩm chức năng	4632

6. Vốn điều lệ: 4.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN THỂ	Thôn Thanh Huệ, Xã Đức Hoà, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	10,000	001079013938	
			Tổng số	48.000	480.000.000	10,000		
2	NGUYỄN HỮU THÀNH	Thôn Xuân Lai, Xã Xuân Thu, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	10,000	013454588	
			Tổng số	48.000	480.000.000	10,000		

3	NGUYỄN CẢNH XUÂN	Khu 6 thôn Thụy Lôì, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	336.000	3.360.000.000	70,000	010641991	
			Tổng số	336.000	3.360.000.000	70,000		
4	NGUYỄN CAO TÂN	Khu 6, thôn Thụy Lôì, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	10,000	012293612	
			Tổng số	48.000	480.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CẢNH XUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010641991

Ngày cấp: 04/02/2010 Nơi cấp: công an thành phố hà nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 6 thôn Thụy Lôì, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu 6 thôn Thụy Lôì, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội